

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TÂN CẢNG - 189 HẢI PHÒNG

Số: 264A/QĐ-TC189

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc ban hành Biểu cước đối nội

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



Căn cứ vào Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 26/6/2012 của Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ Giao thông Vận tải ban hành biểu khung giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tân Cảng - 189 Hải Phòng.

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và thực tế thị trường khu vực.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo quyết định này là Biểu cước dịch vụ của Công ty cổ phần Tân Cảng - 189 Hải Phòng.

**Điều 2:** Đối tượng áp dụng của biểu cước này gồm:

2.1 Hàng hóa, container được bốc dỡ, giao nhận, bảo quản tại khu nước, khu đất thuộc Công ty cổ phần Tân Cảng - 189 Hải Phòng.

2.2 Các chủ hàng, Hãng tàu thuộc các thành phần kinh tế trong nước có hàng hoá/container được vận chuyển, xếp dỡ, bảo quản, giao nhận, lưu kho/bãi tại Công ty cổ phần Tân Cảng - 189 Hải Phòng.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 và thay thế cho các văn bản trước đây trái với quyết định này. Trong thời gian hiệu lực nếu có những biến động về chính sách, giá cả thì sẽ thay đổi cho phù hợp./.

**Nơi nhận:**

- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục Hàng hải Việt Nam (để báo cáo);
- Ban Giám Đốc (để báo cáo);
- Các Đại lý Hàng hải, Hãng tàu và khách hàng;
- Các phòng liên quan trong công ty;
- Lưu: VT, KHKD, V10b.



Ngô Đức Du

## BIỂU GIÁ CÔNG TY CỔ PHẦN TC - 189 HẢI PHÒNG

(Ban hành kèm theo quyết định số: 264A /QĐ-TC189 ngày 16.../...12./2020)

### I. QUY ĐỊNH CHUNG

#### 1. Đối tượng áp dụng:

- Hàng hóa (kể cả container) vận chuyển được bốc dỡ, giao nhận, bảo quản tại khu nước, khu đất thuộc Công ty cổ phần Tân Cảng – 189 Hải Phòng.

- Đơn vị chịu trách nhiệm thanh toán: Các chủ hàng thuộc các thành phần kinh tế trong nước có hàng hoá (kể cả container) vận chuyển giữa các Cảng Việt Nam, hàng hoá xuất nhập khẩu thông qua cảng mà cước xếp dỡ do chủ hàng trong nước chịu trách nhiệm thanh toán.

#### 2. Đơn vị tính phí, giá dịch vụ cảng biển:

Mức thu phí, giá dịch vụ Cảng biển được tính trên cơ sở tổng dung tích (**GROSS TONNAGE - GT**); Công suất máy chính được tính bằng mã lực (**HORSE POWER - HP**) hoặc KILOWATT (**KW**) của tàu thủy; Thời gian được tính bằng giờ, ngày; Khối lượng hàng hoá được tính bằng Tấn (**T**) hoặc Mét khối (**M<sup>3</sup>**); Container được tính bằng chiếc. Cụ thể:

##### 2.1. Đơn vị trọng tải: 260/5700

1.1. Đối với tàu thủy chở hàng khô (kể cả container): Trọng tải tính phí, giá dịch vụ Cảng biển là tổng dung tích (GT) lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận của Đăng kiểm.

1.2. Tàu thủy không ghi GT, trọng tải tính phí, giá dịch vụ Cảng biển được quy đổi như sau:

- Tàu thủy chở hàng: 1,5 tấn trọng tải đăng ký tính bằng 1 GT
- Tàu kéo, tàu đẩy: 1 HP tính bằng 0,5 GT.
- Sà lan: 1 tấn trọng tải đăng ký tính bằng 1 GT.

2.2. Đơn vị công suất máy: Là mã lực (HP) hoặc ki lô oát (KW). Phần lẻ dưới 1 HP (hoặc KW) tính tròn 1 HP (hoặc KW).

2.3. Đơn vị tính thời gian: Là ngày và giờ (không áp dụng đối với cước lưu kho bãi):

- Đối với đơn vị thời gian là ngày: Một ngày tính 24 giờ, phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính 1/2 ngày, trên 12 giờ đến 24 giờ tính bằng 1 ngày.

- Đối với đơn vị thời gian là giờ: Một giờ tính 60 phút, phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính 1/2 giờ, trên 30 phút trở lên đến 60 phút tính 1 giờ.

**3. Nguyên tắc tính giá:**

Thực hiện công đoạn nào thì tính giá công đoạn đó.

**4. Giá cước:**

Tất cả giá cước được quy định trong biểu giá này là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.